

Bản án số: **69/2019/HS-PT**
Ngày: 26/9/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyên Tùng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Trúc và bà Lê Thị Thái Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Giang Nin – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Tám – Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 59/2019/TLPT-HS ngày 08 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo Huỳnh Thị H và Phạm Thị D do có kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thị H và Phạm Thị D đối với Bản án sơ thẩm số 30/2019/HS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Huỳnh Thị H, sinh năm 1990; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Thôn L Đ, xã H T, huyện Đ H, tỉnh P Y; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa (học vấn): 11 /12; con ông Huỳnh Văn N (Chết) và bà Thái Thị Kim H, sinh năm 1966; có chồng Nguyễn Văn H, sinh năm 1978 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; tạm giam từ ngày 26/10/2018 đến ngày 18/12/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Phạm Thị D, sinh năm 1974; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: Khu phố 1, phường P L, thành phố T H, tỉnh P Y; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 03/12; con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1930 và bà Nguyễn Thị H (chết); có chồng Huỳnh Tấn

D, sinh năm 1970 (đã ly hôn) và 04 con, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị D: Ông Nguyễn Ninh – Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Ninh, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có bị cáo Lương Thị Kim C nhưng không có kháng cáo, kháng nghị liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 11/2016 đến tháng 01/2017 Lương Thị Kim C, Huỳnh Thị H và Phạm Thị D đã thực hiện 05 vụ lừa đảo Cắm đoạt tài sản thông qua hình thức vay tiền để mua xe máy trả góp trên địa bàn thành phố Tuy Hòa và huyện Đông Hòa. Trong đó, C có trách nhiệm mượn giấy chứng minh nhân dân (CMND), sổ hộ khẩu của những người quen biết rồi cắt dán hình ảnh của C thay vào CMND của người khác và trực tiếp đến các cửa hàng xe máy thực hiện giao dịch; H và D có trách nhiệm mượn tiền để mua xe, mua sim điện thoại, nhờ người nghe điện thoại để các Công ty tài chính không phát hiện và đem xe mua được đi bán lấy tiền Ca nhau tiêu xài, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Ngày 09/11/2016, Lương Thị Kim C mượn giấy CMND và sổ hộ khẩu gia đình của chị Huỳnh Thị B, sinh năm 1970, ở thôn Phú Nông, xã Hòa Bình 1, huyện Tây Hòa rồi cùng H, D cắt ghép hình ảnh của C thay vào giấy CMND của Bé. H và D thuê Văn Thị N, sinh năm 1965, trú tại khu phố 1, phường Phú Lâm, thành phố Tuy Hòa đi cùng đến cửa hàng xe máy Dũng Tiến địa chỉ 114 Trần Hưng Đạo, phường 3, thành phố Tuy Hòa để mua xe trả góp. H và D đưa cho C 5.000.000đ và ở bên ngoài chờ, còn C và N vào cửa hàng. Tại đây, C dùng giấy CMND đã dán ảnh của C và sổ hộ khẩu mang tên Huỳnh Thị B để làm thủ tục vay số tiền 20.000.000đ của Công ty tài chính trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHH MTV) Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, thời hạn vay 18 tháng với khoản trả góp hàng tháng là 1.548.000đ để mua xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng, số khung: RLHJF5818GY054932; số máy: JF66E-0054899, trị giá 30.000.000đ. Niệm điện thoại thông báo cho H và D đưa thêm cho C 5.000.000đ để trả tiền mua xe. Sau khi mua, C đem xe đưa cho H và D bán cho ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1971, ở thôn Phước Lộc 1, xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa được 30.000.000đ. Số tiền còn lại 20.000.000đ, H cho bà Niệm 200.000đ và trừ các khoản tiền mua sim điện thoại, xăng xe và uống nước hết 1.000.000đ; còn lại C cho C 7.000.000đ, H và D mỗi người

6.000.000đ. Lương Thị Kim C đã thanh toán 02 kỳ với số tiền gốc và lãi là 3.096.000đ

Kết quả định giá tài sản xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng nêu trên trị giá 30.000.000đ.

Vụ thứ 2: Ngày 24/11/2016, Lương Thị Kim C mượn CMND và sổ hộ khẩu của chị Đặng Thị Kim H, sinh năm 1979, ở thôn Phước Lâm, xã Hòa Hiệp Bắc, huyện Đông Hòa, rồi cùng D, H cắt ghép ảnh của C thay vào giấy CMND của Hà. H và D thuê Văn Thị N đi cùng C đến cửa hàng xe máy Dũng Tiến địa chỉ khu phố 2, thị trấn Hòa Vinh, huyện Đông Hòa để mua xe trả góp. H và D đưa cho C 5.000.000đ và ở bên ngoài chờ, còn C và N vào cửa hàng. Tại đây, C dùng CMND đã dán hình ảnh của C và sổ hộ khẩu mang tên Đặng Thị Kim H để làm thủ tục vay 21.000.000đ của Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, thời hạn 20 tháng với khoản trả góp hàng tháng là 1.512.000đ để mua Céc xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu đỏ, số khung: RLHJF5815GY062048; số máy: JF66E-0062101, trị giá 30.000.000đ. Niệm điện thoại thông báo cho H và D biết là C đã mua được xe và cần đưa trước số tiền 10.000.000đ nên H và D đưa thêm cho C 5.000.000đ để trả tiền mua xe. Sau khi mua, C đưa xe cho H và D bán cho ông Nguyễn Thành H được 30.000.000đ. Số tiền còn lại 20.000.000đ, H cho bà Niệm 200.000đ và trừ các khoản tiền mua sim điện thoại, xăng xe và uống nước hết 1.000.000đ; còn lại Ca cho C 7.000.000 đồng; H, D mỗi người 6.000.000đ. Lương Thị Kim C đã thanh toán 02 kỳ với số tiền gốc và lãi là 3.024.000đ.

Kết quả định giá tài sản xe mô tô trên trị giá 30.000.000đ.

Vụ thứ 3: Ngày 07/01/2017, Lương Thị Kim C mượn CMND và sổ hộ khẩu của Nguyễn Thị T, sinh năm 1985, ở thôn Phú Nông, xã Hòa Bình 1, huyện Tây Hòa, rồi cùng D, H cắt ghép ảnh của C thay vào giấy CMND của chị T. H và D thuê Văn Thị N đi cùng đến cửa hàng xe máy Fipexim địa chỉ 04 Lê Lợi, phường 1, thành phố Tuy Hòa để mua xe trả góp. H và D đưa cho C 5.000.000đ và ở bên ngoài chờ, còn C và N vào cửa hàng. Tại đây, C dùng CMND đã dán hình ảnh của C và sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Thị T để làm thủ tục vay số tiền 17.200.000đ của Công ty tài chính TNHH MTV Quốc Tế Việt Nam JACCS, thời hạn 15 tháng với khoản trả góp hàng tháng là 1.559.995đ để mua xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu Đỏ Đen, số khung: 008195; số máy: 022648, trị giá 21.715.000đ. N điện thoại thông báo cho H và D biết là C đã mua được xe và cần đưa trước số tiền 4.515.000đ. Sau khi mua, C đem xe đi đăng kí biển số xe 78F1 – 318.06 rồi đưa Huỳnh Thị H bán cho ông Nguyễn Thành H, được 17.000.000đ. Số tiền còn lại 12.485.000 đồng, H cho bà N 200.000đ

và trừ các khoản tiền mua sim điện thoại, xăng xe và uống nước hết 1.000.000đ; Ca cho C 5.000.000đ; H, D mỗi người 5.500.000đ.

Kết quả định giá tài sản xe mô tô trên trị giá 21.715.000đ.

Vụ thứ 4: Ngày 17/01/2017, Lương Thị Kim C mượn CMND và sổ hộ khẩu của Lê Thị Y, sinh năm 1981, ở thôn Phước Bình Bắc, xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa, rồi cùng D, H cắt ghép ảnh của C thay vào giấy CMND của Y. H và D thuê Thiều Thị T, sinh năm 1991, trú tại thôn Phước Lộc 2, xã Hòa Thành, huyện Đông Hòa đi cùng đến cửa hàng xe máy Dũng Tiến 2 địa chỉ khu phố 2, thị trấn Hòa Vinh, huyện Đông Hòa để mua xe trả góp. H và D ở bên ngoài chờ và đưa trước cho C 15.000.000đ để cùng thu đi vào cửa hàng Dũng Tiến 2 mua xe trả góp. Tại đây, C dùng giấy CMND đã dán hình ảnh của C và sổ hộ khẩu mang tên Lê Thị Y để làm thủ tục vay số tiền 20.000.000 đồng của Công ty tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, thời hạn 18 tháng với khoản trả góp hàng tháng là 1.548.000đ để mua xe mô tô nhãn hiệu Honda Vision, màu trắng, số khung: RLHJF5814GY108484; số máy: JF66E-0108514, trị giá 35.300.000đ. Sau khi mua xe, C đem xe đưa cho H và D bán cho ông Nguyễn Thành H được 30.000.000đ. Số tiền còn lại 20.000.000đ, H cho T 200.000đ và trừ các khoản tiền mua sim điện thoại, xăng xe và uống nước hết 1.000.000đ; Ca cho C 7.000.000đ; H và D mỗi người 6.000.000đ.

Kết quả định giá tài sản xe mô tô trên trị giá 35.300.000đ.

Vụ thứ 5: Sáng ngày 18/01/2017, C tiếp tục đến nhà gặp chị Y mượn lại sổ giấy tờ mà C đã trả cho chị Y, rồi cùng H cắt ghép ảnh của C thay vào giấy CMND của Y. H thuê Thiều Thị Thu đi cùng C đến cửa hàng xe máy Nhông địa chỉ 276 Nguyễn Văn Linh, phường Phú Lâm, thành phố Tuy Hòa để mua xe trả góp. H đưa trước cho C 5.000.000đ để cùng T đi vào cửa hàng Nhông. Tại đây, C đưa giấy CMND đã dán hình ảnh của C và sổ hộ khẩu mang tên Lê Thị Y để làm thủ tục vay 18.000.000 đồng của Công ty tài chính TNHH HD SaiSon, thời hạn 18 tháng với khoản trả góp hàng tháng là 1.548.000đ để mua Céc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu Đỏ Đen, số khung: RLCUE1710GY084390; số máy: E3T66E-127786, trị giá 22.600.000đ, C đưa trước 4.600.000đ. Sau khi mua, C đem xe đi đăng kí biển số 78G1 – 333.35 rồi đưa H bán cho ông Nguyễn Thành H, được 17.600.000đ. C cho T 100.000đ, H, C trừ các khoản tiền mua sim điện thoại, xăng xe và uống nước hết 100.000 đồng; H Ca cho C 5.000.000 đồng, còn lại H tiêu xài hết.

Kết quả định giá tài sản xe mô tô trên trị giá 22.600.000đ.

Sau khi mua 05 xe mô tô trên, Nguyễn Thành H đem bán 03 Céc xe mô tô nhãn hiệu Vision cho ông Lê Văn T, sinh năm 1972, ở thôn Phú Thuận, xã Hòa Mỹ Đông, huyện Tây Hòa, tỉnh Phú Yên. Ông Tuấn tiếp tục bán 03 xe mô tô trên cho ông Võ

Văn T, bà Ngô Thị Việt T, bà Trương Thị H. Xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số 78G1 – 333.35, H để lại sử dụng, còn xe mô tô nhãn hiệu Sirius biển số xe 78F1 – 318.06 hiện tại đã chuyển quyền sở hữu cho Nguyễn Văn L, sinh năm 1970, trú tại 465 Lê Duẩn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Tổng số tiền Lương Thị Kim C, Huỳnh Thị H Cầm đoạt của các Công ty tài chính trong 05 vụ là 96.200.000đ, riêng Phạm Thị D tham gia 04 vụ cùng Cầm đoạt số tiền 78.200.000đ.

Đối với Văn Thị N và Thiều Thị T cùng Lương Thị Kim C đến các cửa hàng mua xe nhưng không có sự bàn bạc. N và T cũng không biết H, C, D thực hiện hành vi lừa đảo Cầm đoạt tài sản nên không đồng phạm với các bị cáo. Đối với Lê Văn T, Nguyễn Thành H, Trương Thị H, Võ Văn T, Ngô Thị Việt T khi mua xe không biết rõ tài sản do người khác phạm tội mà có. Nên cấp sơ thẩm không khởi tố điều tra.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2019/HSST ngày 25/6/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tuyên các bị cáo Lương Thị Kim C, Huỳnh Thị H và Phạm Thị D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 2 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1,2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo, thêm điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo H, D; phạt: Lương Thị Kim C 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, Huỳnh Thị H, Phạm Thị D mỗi bị cáo 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt các bị cáo để thi hành án. Nhưng bị cáo C được trừ vào thời gian đã tạm giam từ ngày 25/5/2018 đến ngày 19/10/2018; bị cáo H được trừ thời gian đã tạm giam từ ngày 26/10/2018 đến ngày 18/12/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phân trách nhiệm bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/6/2019, bị cáo Phạm Thị D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 09/7/2019, bị cáo Huỳnh Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Thị D, Huỳnh Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Luật sư, bào chữa cho bị cáo Phạm Thị D đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo –

Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Huỳnh Thị H; căn cứ điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận một phần kháng cáo – Sửa bản án sơ thẩm; phạt bị cáo Phạm Thị D từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng; Việc điều tra, thu thập chứng cứ của cấp sơ thẩm được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định, nên các chứng cứ thu thập được đều đảm bảo giá trị chứng minh và hợp pháp.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của các bị cáo. Hội đồng xét xử, thấy: Lời khai nhận tội của bị cáo Huỳnh Thị H, Phạm Thị D tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của bị cáo Lương Thị Kim C; lời khai của đại diện cho bị hại; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; cùng các tài liệu là chứng cứ có tại hồ sơ, nên đủ cơ sở kết luận: Từ tháng 11/2016 đến tháng 01/2017, Lương Thị Kim C, Huỳnh Thị H và Phạm Thị D đã thống nhất cùng nhau mượn giấy CMND và Sổ hộ khẩu của bà Huỳnh Thị B, Đặng Thị Kim H, Nguyễn Thị T, Lê Thị Y rồi thay hình ảnh của C vào các giấy CMND để làm thủ tục vay tiền của Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam JACCS, Công ty tài chính TNHH HD Sai Gon đóng trên địa bàn thành phố Tuy Hòa và huyện Đông Hòa với hình thức mua xe trả góp rồi chiếm đoạt tiền vay của các bị hại. Trong đó, bị cáo C và bị cáo H tham gia 05 vụ cùng chiếm đoạt tổng số tiền 96.200.000 đồng; bị cáo D tham gia 04 vụ, cùng chiếm đoạt số tiền 78.200.000 đồng. Do đó cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của các bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến môi trường đầu tư và kinh doanh của các doanh nghiệp ở địa phương, nên cần xử phạt nghiêm. Khi lượng hình án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo phải chịu và được hưởng để phạt bị cáo Huỳnh Thị H và Phạm Thị D mỗi bị cáo 02 (hai) năm tù, đồng thời không cho các bị cáo hưởng án treo là thỏa đáng, đáp ứng được yêu cầu phòng chống tội phạm tại địa phương. Do đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H là có cơ sở chấp nhận. Đối với bị cáo D có số vụ tham gia, số tiền chiếm đoạt và ăn Chia ít

hơn so với các đồng phạm (*D tham gia lừa đảo 04 vụ, Cếm đoạt số tiền 78.200.000 đồng, các bị cáo C, H tham gia lừa đảo 05 vụ Cếm đoạt số tiền 96.200.000 đồng*). Bản thân bị cáo có hoàn cảnh thực sự khó khăn được chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú xác nhận, hiện đang nuôi con bệnh tật, và cháu ngoại còn nhỏ chưa làm giấy khai sinh; có cậu ruột Nguyễn Văn Lân là người có công với cách mạng; sau khi xét xử sơ thẩm tiếp tục nộp bồi thường 13.500.000 đồng cho các bị hại. Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, trong đó có tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, nên đủ điều kiện áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên giảm cho bị cáo một phần hình phạt, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, mà yên tâm cải tạo.

[3] Bị cáo Phạm Thị D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Huỳnh Thị H kháng cáo không được chấp nhận phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Tuyên trả cho các bị hại: Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam JACCS, Công ty tài chính TNHH HD Sai Gon số tiền 13.500.000đ mà bị cáo Phạm Thị D đã nộp bồi thường tại các Biên lai thu tiền số 0002093 ngày 25/9/2019 và 0002094 ngày 26/9/2019 của Cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa (trả theo tỷ lệ mà bị cáo phải bồi thường cho từng bị hại).

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo hoặc kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Huỳnh Thị H, Phạm Thị D phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Căn cứ Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Thị H – Giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt;

Áp dụng khoản 2 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Phạt: Bị cáo **Huỳnh Thị H – 02** (hai) **năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, nhưng được trừ vào thời gian đã tạm giam từ ngày 26/10/2018 đến ngày 18/12/2018.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Phạm Thị D – Sửa bản án sơ thẩm về hình phạt;

Áp dụng khoản 2 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46; Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Phạt: Bị cáo Phạm Thị D – **01** (một) **năm 09** (chín) **tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Huỳnh Thị H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Phạm Thị D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Tuyên trả cho các bị hại: Công ty TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, Công ty tài chính TNHH MTV Quốc tế Việt Nam JACCS, Công ty tài chính TNHH HD Sai Gon số tiền 13.500.000 đồng (Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng) mà bị cáo Phạm Thị D đã nộp bồi thường tại các Biên lai thu tiền số 0002093 ngày 25/9/2019 và 0002094 ngày 26/9/2019 của C cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa (trả theo tỷ lệ mà bị cáo D phải bồi thường cho từng bị hại).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tp. Tuy Hòa;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Cơ quan điều tra Công an tp. Tuy Hòa;
- PV 27;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Lưu án văn; lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Nguyên Tùng

